



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 Thành Thái, P.12, Q.10, TP. HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
<http://www.tie.com.vn>

Số: 96../2017/CV-TIE
No: 96../2017/CV-TIE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2017
TP. HCM, day 30 month 08 year 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty Cổ phần TIE
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: TIE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại/ *Telephone*: 028 38330855
- Fax: 028 38332754
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông Trần Thế Vinh
- Chức vụ/ *Position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty Cổ phần TIE công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ - 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày: 30.10.2017 tại đường dẫn : <http://www.tie.com.vn>.

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 30.10.2017 Available at: <http://www.tie.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Trần Thế Vinh

Tài liệu đính kèm/Attachment

Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure

- Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ - 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 4 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 | 5 - 8 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 9 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 10 - 11 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 12 - 40 |
| 8. Phụ lục | 41 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần TIE và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần TIE được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu TIE. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301173454 (số cũ 4103002484) đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 đến lần 18 về việc bổ sung nghề kinh doanh, thay đổi người đại diện pháp luật, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 38 330 855
- Fax : (028) 38 332 754

Công ty đã đăng ký địa điểm kinh doanh tại số 262A, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00003 ngày 20 tháng 4 năm 2017.

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|--|
| Xí nghiệp Cơ điện TIE | Khu sản xuất Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Phú Quốc | Số 249 – 251, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần TIE tại Hà Nội | Tổ 24, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy,...

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|--------------|--------------------------------------|
| Ông Trần Thế Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 4 năm 2016 |
| Bà Đỗ Thị Kim Oanh | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016 |
| Bà Phạm Thúy Oanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012 |
| Ông Hoàng Minh Trí | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21 tháng 02 năm 2017 |
| Ông Lê Ngọc Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015 |
| Bà Đỗ Thị Kim Na | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2016 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2016 |
| Bà Đặng Thị Hoàng Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2016 |
| Bà Phạm Thị Thanh Nhân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2016 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------|-------------------|-----------------------------------|
| Bà Đỗ Thị Kim Oanh | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016 |
| Bà Phạm Thúy Oanh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Đặng Chu Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2016 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TIE

Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0944/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 161.853.544.688 | 166.054.490.476 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 115.471.886.604 | 112.890.012.321 |
| 1. Tiền | 111 | | 4.471.886.604 | 26.890.012.321 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 111.000.000.000 | 86.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.232.764.250 | 1.232.764.250 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | V.2a | 4.077.271.370 | 4.077.271.370 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | V.2a | (2.844.507.120) | (2.844.507.120) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 24.387.635.935 | 26.404.259.553 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 33.021.233.456 | 34.082.001.254 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 264.995.528 | 628.084.468 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 8.250.078.140 | 5.246.770.886 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (17.967.373.079) | (14.161.073.553) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | V.7 | 818.701.890 | 608.476.498 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 16.087.128.521 | 21.716.612.484 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 30.605.892.371 | 36.235.376.334 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (14.518.763.850) | (14.518.763.850) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.674.129.378 | 3.810.841.868 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 844.487.229 | 119.423.909 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 3.127.358.923 | 2.989.134.733 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.17 | 702.283.226 | 702.283.226 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 115.619.774.786 | 136.052.754.030 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.289.853.400 | 1.267.256.900 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.289.853.400 | 1.267.256.900 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 58.851.818.679 | 60.679.610.110 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 48.414.863.583 | 50.135.443.384 |
| - Nguyên giá | 222 | | 62.351.036.928 | 62.201.036.928 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (13.936.173.345) | (12.065.593.544) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 10.436.955.096 | 10.544.166.726 |
| - Nguyên giá | 228 | | 12.542.986.059 | 12.542.986.059 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.106.030.963) | (1.998.819.333) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.12 | 11.916.526.443 | 11.916.526.443 |
| - Nguyên giá | 231 | | 13.531.170.316 | 13.531.170.316 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (1.614.643.873) | (1.614.643.873) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 90.022.594 | 90.022.594 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 90.022.594 | 90.022.594 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 41.330.224.490 | 59.620.607.758 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.2b | 35.962.748.240 | 54.253.131.508 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 8.674.710.000 | 8.674.710.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2c | (3.307.233.750) | (3.307.233.750) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.141.329.180 | 2.478.730.225 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 110.613.785 | 328.560.983 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.14 | 2.030.715.395 | 2.150.169.242 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 277.473.319.474 | 302.107.244.506 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 38.280.033.437 | 40.336.933.885 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 38.280.033.437 | 40.336.933.885 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 29.039.792.205 | 27.811.975.344 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.16 | 450.472.359 | 283.068.588 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.17 | 167.091.580 | 3.183.457.981 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 829.952.412 | 863.638.739 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 131.714.007 | 634.133.747 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 14.968.714 | 280.203.914 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 7.646.042.160 | 7.280.455.572 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.20 | - | - |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE


Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 239.193.286.037 | 261.770.310.621 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 239.193.286.037 | 261.770.310.621 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.21a | 95.699.000.000 | 95.699.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 95.699.000.000 | 95.699.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.21a | 147.820.799.944 | 147.820.799.944 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.21a | (4.976.957.941) | 17.502.563.923 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 10.803.633.923 | 10.059.558.125 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (15.780.591.864) | 7.443.005.798 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | V.21a | 650.444.034 | 747.946.754 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 277.473.319.474 | 302.107.244.506 |


Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập


Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng


Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 16.701.758.965 | 81.400.934.262 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 457.316.535 | 4.488.375.320 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 16.244.442.430 | 76.912.558.942 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 16.156.146.057 | 74.525.974.307 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 88.296.373 | 2.386.584.635 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 2.045.208.481 | 1.998.812.070 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 139.456 | 2.548.534.797 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | - | 2.661.079.245 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 24 | V.2b | (1.030.383.268) | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 5.645.701.673 | 12.282.189.074 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 11.596.758.652 | 7.326.787.155 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (16.139.478.195) | (17.772.114.321) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 594.592.079 | 8.232.385.446 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 333.208.468 | 1.250.993.455 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 261.383.611 | 6.981.391.991 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (15.878.094.584) | (10.790.722.330) |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.17 | - | - |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>(15.878.094.584)</u> | <u>(10.790.722.330)</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | (15.780.591.864) | (10.430.063.385) |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (97.502.720) | (360.658.945) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a | <u>(1.649)</u> | <u>(1.090)</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a | <u>(1.649)</u> | <u>(1.090)</u> |


Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởngĐỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (15.878.094.584) | (10.790.722.330) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.10, 11 | 1.977.791.431 | 1.560.880.930 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6 | 3.806.299.526 | (555.976.831) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (2.045.208.481) | (1.950.665.276) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | 2.661.079.245 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | 2.000.000.000 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (12.139.212.108) | (7.075.404.262) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (283.769.483) | 31.086.391.784 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 5.629.483.963 | 3.167.242.598 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (2.044.046.448) | 13.058.034.527 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (507.116.122) | (206.530.678) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (2.661.079.245) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | (3.553.803.420) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | 3.112.466.305 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.20 | (516.890.000) | (1.936.832.991) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (9.861.550.198) | 34.990.484.618 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10 | (150.000.000) | (2.971.663.299) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | V.2b | (18.740.000.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | V.2b | 36.000.000.000 | 8.840.000.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 2.045.208.481 | 1.610.665.276 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 19.155.208.481 | 7.479.001.977 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 30.105.333.501 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (110.458.651.302) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.19, 21 | (6.711.784.000) | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | 40 | | <u>(6.711.784.000)</u> | <u>(80.353.317.801)</u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 2.581.874.283 | (37.883.831.206) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 112.890.012.321 | 104.977.199.233 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | <u>115.471.886.604</u> | <u>67.093.368.027</u> |

Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập

Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là: thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán hàng hóa liên quan đến các sản phẩm về giấy,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---|--|--|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Giải pháp Thông minh Sài Gòn | Số 760, đường Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh | Thiết kế, kinh doanh phần mềm, thiết bị điện tử và máy vi tính | 51% | 51% | 51% | 51% |
| Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc | Tổ 24, phường Yên Sở, quận Mai, TP. Hà Nội | Sản xuất và bán buôn các sản phẩm tập giấy | 90% | 90% | 90% | 90% |

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----------------------------|---|---|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE | Số 41/7, đường TMT 03, Khu phố Mỹ Tây, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh | Đại lý vé tàu, vé máy bay; khách sạn; nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ phục vụ đồ uống; bán buôn thực phẩm; bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; hoạt động của các cơ sở thể thao; hoạt động của các công viên | 20% | 20% | 20% | 20% |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|-----------------------------|---|--|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE | Số 63, đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | vui chơi và công viên theo chủ đề; săn sóc da mặt; cắt tóc, làm đầu, gội đầu; cho thuê xe có động cơ; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Bán buôn sách báo, tạp chí, văn phòng phẩm; bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh (có nội dung được phép lưu hành) | 43% | 43% | 43% | 43% |

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 143 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 145 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí thuê nhà, thuê kho và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí thuê

Chi phí thuê nhà, thuê kho được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 – 50 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 08 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất tại số 249, đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 173,3 m². Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn và không tính khấu hao.
- Quyền sử dụng thửa đất số 55, tại đường Trần Hưng Đạo, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 3.755,4 m². Thời gian sử dụng đất là 42 năm (từ ngày 31 tháng 7 năm 2015 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057).

Mẫu thiết kế bì tập

Nguyên giá của bản quyền mẫu thiết kế tập mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền mẫu thiết kế tập được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: Giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

25. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 243.023.341 | 429.610.222 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 4.228.863.263 | 26.460.402.099 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 111.000.000.000 | 86.000.000.000 |
| Cộng | <u>115.471.886.604</u> | <u>112.890.012.321</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|---|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt | 980.000.000 | - | (980.000.000) | 980.000.000 | - | (980.000.000) |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín | 443.592.470 | 299.007.450 | (144.585.020) | 443.592.470 | 299.007.450 | (144.585.020) |
| Công ty Cổ phần Vận chuyển Saigon Tourist | 396.936.100 | 360.132.800 | (36.803.300) | 396.936.100 | 360.132.800 | (36.803.300) |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình | 2.256.742.800 | 573.624.000 | (1.683.118.800) | 2.256.742.800 | 573.624.000 | (1.683.118.800) |
| Cộng | <u>4.077.271.370</u> | <u>1.232.764.250</u> | <u>(2.844.507.120)</u> | <u>4.077.271.370</u> | <u>1.232.764.250</u> | <u>(2.844.507.120)</u> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 2.844.507.120 | 2.892.591.470 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (145.667.500) |
| Số cuối kỳ | <u>2.844.507.120</u> | <u>2.746.923.970</u> |

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | | <u>Số đầu năm</u> | | |
|--|------------------------------|--|------------------------------|------------------------------|--|------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u> | <u>Cộng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u> | <u>Cộng</u> |
| Công ty TNHH Tiến Đạt – TIE ⁽ⁱ⁾ | 8.400.000.000 | (30.040.335) | 8.369.959.665 | 8.400.000.000 | - | 8.400.000.000 |
| Công ty TNHH Mega TIE ⁽ⁱⁱ⁾ | - | - | - | 36.000.000.000 | - | 36.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 29.240.000.000 | (1.647.211.425) | 27.592.788.575 | 10.500.000.000 | (646.868.492) | 9.853.131.508 |
| Cộng | <u>37.640.000.000</u> | <u>(1.677.251.760)</u> | <u>35.962.748.240</u> | <u>54.900.000.000</u> | <u>(646.868.492)</u> | <u>54.253.131.508</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313435866 ngày 10 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE 8.400.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313377082 ngày 31 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Mega TIE 54.600.000.000 VND, tương đương 26% vốn điều lệ. Trong kỳ, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Công ty TNHH Mega TIE với giá chuyển nhượng là 36.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 14/2017/HĐT – TIE ngày 14 tháng 4 năm 2017.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313937520 ngày 26 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Văn hóa TIE 29.240.000.000 VND, tương đương 43% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Góp vốn trong kỳ | Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ | Giá trị phần chuyển nhượng | Giá trị phần sở hữu cuối kỳ |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH Tiến Đạt – TIE | 8.400.000.000 | - | (30.040.335) | - | 8.369.959.665 |
| Công ty TNHH Mega TIE | 36.000.000.000 | - | - | (36.000.000.000) | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE | 9.853.131.508 | 18.740.000.000 | (1.000.342.933) | - | 27.592.788.575 |
| Cộng | 54.253.131.508 | 18.740.000.000 | (1.030.383.268) | (36.000.000.000) | 35.962.748.240 |

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có nhiều thay đổi so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Văn hóa TIE như sau:

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------|-----------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Mua hàng hóa | 98.937.150 | - |
| Bán hàng hóa | 5.687.526.724 | - |
| Cho mượn tiền | 4.000.000.000 | - |
| Góp vốn | 18.740.000.000 | - |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn | 8.674.710.000 | (3.307.233.750) | 8.674.710.000 | (3.307.233.750) |
| Cộng | 8.674.710.000 | (3.307.233.750) | 8.674.710.000 | (3.307.233.750) |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.307.233.750 | 3.381.373.578 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (74.139.828) |
| Số cuối kỳ | 3.307.233.750 | 3.307.233.750 |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>5.992.691.394</i> | <i>1.452.941.892</i> |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE | 5.992.691.394 | 1.452.941.892 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>27.028.542.062</i> | <i>32.629.059.362</i> |
| Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi | 13.405.372.168 | 13.405.372.168 |
| Các khách hàng khác | 13.623.169.894 | 19.223.687.194 |
| Cộng | 33.021.233.456 | 34.082.001.254 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ 7777 | - | 156.750.000 |
| Trung tâm Dịch vụ Bán đấu giá tài sản TP. Hồ Chí Minh | 98.272.549 | 98.272.549 |
| Các nhà cung cấp khác | 166.722.979 | 373.061.919 |
| Cộng | 264.995.528 | 628.084.468 |

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|--------------------------------------|-----------------|--------------------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | <i>2.000.000.000</i> | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE – Tiền cho mượn | 2.000.000.000 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>6.250.078.140 (3.210.000.000)</i> | - | <i>5.246.770.886 (3.210.000.000)</i> | - |
| Công ty TNHH Mega - TIE | 484.605.500 | - | 438.100.000 | - |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT | 3.210.000.000 (3.210.000.000) | - | 3.210.000.000 (3.210.000.000) | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi (xem thuyết minh số V.20) | 1.356.782.636 | - | 839.892.636 | - |
| Tạm ứng | 307.235.011 | - | 241.982.211 | - |
| Các khoản phải thu khác | 891.454.993 | - | 516.796.039 | - |
| Cộng | 8.250.078.140 (3.210.000.000) | - | 5.246.770.886 (3.210.000.000) | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản tiền đặt cọc để thuê nhà ở các chi nhánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối kỳ | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|--|-----------------------|------------------------|--|-----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi – phải thu tiền bán hàng | 282 ngày | 13.405.372.168 | 8.300.000.000 | 282 ngày | 13.405.372.168 | 10.491.802.548 |
| Công ty TNHH Thương mại Hải Tàu – phải thu tiền bán hàng | Trên 1 năm đến dưới 2 năm | 1.013.772.726 | - | 266 ngày | 1.013.772.726 | 709.640.908 |
| Công ty TNHH Nguyên Khang – phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm | 2.401.047.488 | - | Trên 3 năm | 2.401.047.488 | - |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Thế hệ mới NGT – phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp | Trên 3 năm | 3.210.000.000 | - | Trên 3 năm | 3.210.000.000 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | Quá hạn từ dưới 3 tháng đến trên 3 năm | 15.396.460.646 | 9.159.279.949 | Quá hạn từ dưới 3 tháng đến trên 3 năm | 14.376.942.093 | 9.044.617.466 |
| Cộng | | 35.426.653.028 | 17.459.279.949 | | 34.407.134.475 | 20.246.060.922 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 14.161.073.553 | 8.844.699.910 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 3.806.299.526 | 924.673.859 |
| Số cuối kỳ | 17.967.373.079 | 9.769.373.769 |

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| Hàng tồn kho | 608.476.498 | 608.476.498 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 210.225.392 | - |
| Cộng | 818.701.890 | 597.138.248 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.874.560.954 | (2.439.471.748) | 5.106.358.347 | (2.439.471.748) |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | 103.578.901 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.945.528.899 | (47.632.000) | 3.945.528.899 | (47.632.000) |
| Thành phẩm | 264.853.338 | (56.468.160) | 297.678.595 | (56.468.160) |
| Hàng hóa | 21.520.949.180 | (11.975.191.942) | 26.782.231.592 | (11.975.191.942) |
| Cộng | 30.605.892.371 | (14.518.763.850) | 36.235.376.334 | (14.518.763.850) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 14.518.763.850 | 6.895.807.665 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (1.260.843.362) |
| Số cuối kỳ | 14.518.763.850 | 5.634.964.303 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuê kho và nhà | 620.203.636 | 9.574.999 |
| Chi phí sửa chữa văn phòng | 71.039.852 | - |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | - | 28.124.997 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 153.243.741 | 81.723.913 |
| Cộng | <u>844.487.229</u> | <u>119.423.909</u> |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 50.493.909 | 166.159.428 |
| Chi phí khác | 60.119.876 | 162.401.555 |
| Cộng | <u>110.613.785</u> | <u>328.560.983</u> |

10. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 33.100.121.016 | 18.347.585.700 | 9.922.569.924 | 830.760.288 | 62.201.036.928 |
| Mua trong kỳ | - | - | 150.000.000 | - | 150.000.000 |
| Số cuối kỳ | <u>33.100.121.016</u> | <u>18.347.585.700</u> | <u>10.072.569.924</u> | <u>830.760.288</u> | <u>62.351.036.928</u> |

Trong đó:

| | | | | | |
|---------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|---------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 202.551.327 | 234.177.600 | 991.924.989 | 185.359.485 | 1.614.013.401 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Giá trị hao mòn

| | | | | | |
|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 5.067.016.753 | 2.575.689.968 | 3.913.271.496 | 509.615.327 | 12.065.593.544 |
| Khấu hao trong kỳ | 638.727.840 | 680.599.913 | 485.050.418 | 66.201.630 | 1.870.579.801 |
| Số cuối kỳ | <u>5.705.744.593</u> | <u>3.256.289.881</u> | <u>4.398.321.914</u> | <u>575.816.957</u> | <u>13.936.173.345</u> |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|-------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 28.033.104.263 | 15.771.895.732 | 6.009.298.428 | 321.144.961 | 50.135.443.384 |
| Số cuối kỳ | <u>27.394.376.423</u> | <u>15.091.295.819</u> | <u>5.674.248.010</u> | <u>254.943.331</u> | <u>48.414.863.583</u> |

Trong đó:

| | | | | | |
|-----------------------|---|---|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

11. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Mẫu thiết kế bia tập</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------|------------------------------|------------------------------|---------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 11.333.564.272 | 858.492.840 | 350.928.947 | 12.542.986.059 |
| Số cuối kỳ | <u>11.333.564.272</u> | <u>858.492.840</u> | <u>350.928.947</u> | <u>12.542.986.059</u> |

Trong đó:

| | | | | |
|---------------------------------------|---|---|---|---|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - | - |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Mẫu thiết kế bìa tập</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 1.145.602.591 | 815.199.438 | 38.017.304 | 1.998.819.333 |
| Khấu hao trong kỳ | 68.110.644 | 21.554.538 | 17.546.448 | 107.211.630 |
| Số cuối kỳ | 1.213.713.235 | 836.753.976 | 55.563.752 | 2.106.030.963 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 10.187.961.681 | 43.293.402 | 312.911.643 | 10.544.166.726 |
| Số cuối kỳ | 10.119.851.037 | 21.738.864 | 295.365.195 | 10.436.955.096 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn được nắm giữ chờ tăng giá. Chi tiết phát sinh như sau:

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> |
|--|--------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 13.531.170.316 |
| Số cuối kỳ | 13.531.170.316 |
| <i>Trong đó:</i> | |
| Đã khấu hao hết | - |
| Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC | |
| Số đầu năm | 1.614.643.873 |
| Số cuối kỳ | 1.614.643.873 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 11.916.526.443 |
| Số cuối kỳ | 11.916.526.443 |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Tập đoàn là khu đất có diện tích 38.887,9 m² tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty mẹ chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế với số tiền là 41.163.263.010 VND.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

| | |
|----------------------|-----------------------|
| Năm 2015 | 12.096.739.149 |
| 6 tháng đầu năm 2017 | 29.066.523.861 |
| Cộng | 41.163.263.010 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh do hợp nhất kinh doanh năm 2015 liên quan đến Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

| | | |
|------------------------|--|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | | 2.389.076.936 |
| Số cuối kỳ | | <u>2.389.076.936</u> |
| Số đã phân bổ | | |
| Số đầu năm | | 238.907.694 |
| Phân bổ trong kỳ | | 119.453.847 |
| Số cuối kỳ | | <u>358.361.541</u> |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | | 2.150.169.242 |
| Số cuối kỳ | | <u>2.030.715.395</u> |

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả người bán là bên liên quan | 5.970.788 | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE | 5.970.788 | - |
| Phải trả người bán là các tổ chức và cá nhân khác | 29.033.821.417 | 27.811.975.344 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi | 4.296.557.835 | 4.296.557.835 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel | 8.934.468.099 | 8.934.468.099 |
| Logitech Asia Pacific Ltd | 3.468.665.951 | 3.468.665.951 |
| TP Vision Singapore Pte Ltd | 7.937.075.940 | 7.937.075.940 |
| Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina | 1.524.772.242 | 1.438.122.174 |
| Phải trả các nhà cung cấp ngắn hạn khác | 2.872.281.350 | 1.737.085.345 |
| Cộng | <u>29.039.792.205</u> | <u>27.811.975.344</u> |

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel | 8.934.468.099 | 8.934.468.099 |
| Logitech Asia Pacific Ltd | 3.468.665.951 | 3.468.665.951 |
| TP Vision Singapore Pte Ltd | 7.937.075.940 | 7.937.075.940 |
| Cộng | <u>20.340.209.990</u> | <u>20.340.209.990</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| Nhà sách Nguyễn Huy | 148.993.106 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | 148.500.000 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Thu | - | 101.826.997 |
| Khác | 152.979.253 | 181.241.591 |
| Cộng | 450.472.359 | 283.068.588 |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|---|----------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.062.276.249 | - | 286.874.912 | (1.320.350.594) | 28.800.567 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 702.283.226 | - | - | - | 702.283.226 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 1.977.498.672 | - | - | (1.977.498.672) | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 143.683.060 | - | 421.257.085 | (426.649.132) | 138.291.013 | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 379.678.860 | (379.678.860) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 13.000.000 | (13.000.000) | - | - |
| Cộng | 3.183.457.981 | 702.283.226 | 1.100.810.857 | (4.117.177.258) | 167.091.580 | 702.283.226 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|-----|
| Dịch vụ bảo hành, màn hình vi tính, máy tính tiền, máy chiếu ... | 10% |
| Hàng hóa xuất khẩu | 0% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Chiết khấu thanh toán đúng hạn | 64.682.195 | 64.682.195 |
| Chi phí hỗ trợ cho đại lý bán hàng | 6.154.612 | 46.210.716 |
| Chi phí vận chuyển | - | 436.363.636 |
| Chi phí điện, mực in, quảng cáo Adata và khác | 60.877.200 | 86.877.200 |
| Cộng | 131.714.007 | 634.133.747 |

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Bao bì Tân Duy Lợi – phải trả tiền mua vốn góp Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc | 5.300.000.000 | 5.300.000.000 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 270.000 | 270.000 |
| Kinh phí công đoàn | 44.613.550 | 24.921.200 |
| Bảo hiểm xã hội | 14.648.890 | 14.648.890 |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát | 18.656.999 | 18.656.999 |
| Cổ tức phải trả cho các cổ đông | 644.138.857 | 656.992.857 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.623.713.864 | 1.264.965.626 |
| Cộng | 7.646.042.160 | 7.280.455.572 |

19b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần Bao Bì Tân Duy Lợi về khoản phải trả tiền mua vốn góp vào Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc với số tiền 5.300.000.000 VND do còn đang tranh chấp, kiện tụng (số đầu năm là 5.300.000.000 VND).

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|--------------------------------|------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | (839.892.636) | (1.329.813.931) |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | - | 2.669.436.786 |
| Chi quỹ trong kỳ | (516.890.000) | (1.936.832.991) |
| Số cuối kỳ | (1.356.782.636) | (597.210.136) |

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.5a).

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

21b. Cổ phiếu

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 9.569.900 | 9.569.900 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.569.900 | 9.569.900 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------|-------------------|
| - Cổ phiếu phổ thông | 9.569.900 | 9.569.900 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã chia cổ tức năm 2015 với số tiền 6.698.930.000 VND theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/2017/NQ-HDQT ngày 22 tháng 02 năm 2017.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

22a. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 2.051,41 | 2.086,70 |
| Nhân dân tệ (CNY) | 21,00 | 21,00 |

22b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> | Nguyên nhân xóa sổ |
|--------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|
| Ông Phạm Văn Hoàng | 5.879.892.055 | 5.879.892.055 | Không có khả năng thu nợ |
| Các đối tượng khác | 1.317.737.655 | 1.317.737.655 | Không có khả năng thu nợ |
| Cộng | 7.197.629.710 | 7.197.629.710 | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Doanh thu Văn phòng TP. Hồ Chí Minh | 15.795.270.351 | 72.975.137.024 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 15.104.567.718 | 68.549.628.323 |
| Doanh thu bán thành phẩm | - | 47.099.982 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 496.512.178 | 4.378.408.719 |
| Doanh thu khác | 194.190.455 | - |
| Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Cần Thơ | - | 77.349.995 |
| Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Phú Quốc | 715.696.077 | 7.718.911.575 |
| Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Hà Nội | - | 147.288.594 |
| Doanh thu bán hàng hóa của Chi nhánh Đà Nẵng | - | 256.547.074 |
| Doanh thu của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn | - | 225.700.000 |
| Doanh thu của Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc | 190.792.537 | - |
| Cộng | 16.701.758.965 | 81.400.934.262 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Văn phòng TP. Hồ Chí Minh | 15.839.575.229 | 66.392.315.466 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 174.600.178 | 154.586.046 |
| Giá vốn của thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp | 15.664.975.051 | 66.237.729.420 |
| Giá vốn của hàng hóa Chi nhánh Phú Quốc đã bán | 125.778.291 | 6.554.547.247 |
| Giá vốn của hàng hóa Chi nhánh Hà Nội đã bán | - | 150.264.398 |
| Giá vốn của hàng hóa Chi nhánh Cần Thơ đã bán | - | 72.096.255 |
| Giá vốn của hàng hóa Chi nhánh Đà Nẵng đã bán | - | 213.146.831 |
| Giá vốn của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn | - | 221.186.000 |
| Giá vốn của Công ty TNHH Văn phòng phẩm TIE Miền Bắc | 190.792.537 | 922.418.110 |
| Cộng | 16.156.146.057 | 74.525.974.307 |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 2.045.208.481 | 1.637.877.223 |
| Cổ tức và lợi nhuận được chia | - | 20.775.912 |
| Lãi chuyển nhượng vốn góp | - | 340.000.000 |
| Doanh thu tài chính khác | - | 158.935 |
| Cộng | 2.045.208.481 | 1.998.812.070 |

5. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | - | 2.661.079.245 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | - | 106.982.215 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | - | (219.807.328) |
| Chi phí tài chính khác | 139.456 | 280.665 |
| Cộng | 139.456 | 2.548.534.797 |

6. Chi phí bán hàng

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.043.527.221 | 3.842.977.427 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 122.704.973 | 62.536.046 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 193.215.804 | 407.756.252 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 927.375.975 | 455.858.336 |
| Chi phí bảo hành | - | 124.756.712 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 749.497.216 | 2.726.591.819 |
| Giá vốn hàng khuyến mãi | - | 861.375.171 |
| Chi phí hỗ trợ đại lý & chiết khấu | - | 678.427.661 |
| Các chi phí khác | 609.380.484 | 3.121.909.650 |
| Cộng | 5.645.701.673 | 12.282.189.074 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 3.801.994.944 | 4.061.438.144 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 106.353.480 | 77.288.303 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 144.465.245 | 106.010.055 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.050.415.456 | 447.922.338 |
| Thuế, phí và lệ phí | 13.000.000 | 19.385.000 |
| Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi | 3.896.288.340 | 924.673.859 |
| Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ | - | (2.000.000.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.557.604.545 | 1.902.286.717 |
| Các chi phí khác | 1.026.636.642 | 1.787.782.739 |
| Cộng | 11.596.758.652 | 7.326.787.155 |

8. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Khoản thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà cung cấp | 245.001.480 | 6.797.051.198 |
| Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh do chưa chuyển giao | - | 320.546.000 |
| Thu thanh lý tài sản cố định | - | 10.836.364 |
| Bồi thường mất tài sản | - | 100.000.000 |
| Thuế nhập khẩu được hoàn | - | 178.179.459 |
| Hoàn dịch vụ chuyển giao công nghệ | - | 612.253.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 349.590.599 | 213.519.425 |
| Cộng | 594.592.079 | 8.232.385.446 |

9. Chi phí khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền thuê đất tại số 376 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 320.546.160 | 320.546.000 |
| Tiền cọc bị mất | - | 785.883.132 |
| Các khoản phạt | - | 143.929.039 |
| Chi phí khác | 12.662.308 | 635.284 |
| Cộng | 333.208.468 | 1.250.993.455 |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | (15.780.591.864) | (10.430.063.385) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán khác để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (15.780.591.864) | (10.430.063.385) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 9.569.900 | 9.569.900 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (1.649) | (1.090) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 566.739.502 | 1.004.535.908 |
| Chi phí nhân công | 6.845.522.165 | 8.800.629.387 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.977.791.431 | 1.560.880.930 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.307.101.761 | 5.038.265.150 |
| Chi phí khác | 5.545.305.466 | 5.305.008.415 |
| Cộng | 17.242.460.325 | 21.709.319.790 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm tiền lương, tiền thưởng với tổng số tiền trong kỳ là 1.380.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.202.670.909 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|-----------------------------|------------------|
| Công ty TNHH Tiến Đạt - TIE | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Văn hóa TIE | Công ty liên kết |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.5a.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh thương mại (chủ yếu là lĩnh vực kinh doanh điện tử và văn phòng phẩm) và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|------------------------------------|---|--|---|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 115.471.886.604 | - | - | 115.471.886.604 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | - | 4.077.271.370 | 4.077.271.370 |
| Phải thu khách hàng | 5.444.028.614 | 8.478.534.150 | 19.098.670.692 | 33.021.233.456 |
| Các khoản phải thu khác | 4.665.913.893 | - | 3.210.000.000 | 7.875.913.893 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | - | 8.674.710.000 | 8.674.710.000 |
| Cộng | 125.581.829.111 | 8.478.534.150 | 35.060.652.062 | 169.121.015.323 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| | <u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u> | <u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|---|--|---|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 112.890.012.321 | - | - | 112.890.012.321 |
| Chứng khoán kinh doanh | - | - | 4.077.271.370 | 4.077.271.370 |
| Phải thu khách hàng | 2.884.866.779 | 12.834.639.743 | 18.362.494.732 | 34.082.001.254 |
| Các khoản phải thu khác | 2.222.152.939 | - | 3.210.000.000 | 5.432.152.939 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | - | - | 8.674.710.000 | 8.674.710.000 |
| Cộng | 117.997.032.039 | 12.834.639.743 | 34.324.476.102 | 165.156.147.884 |

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Quá hạn dưới 6 tháng | 178.534.150 | 7.534.639.743 |
| Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm | - | 5.300.000.000 |
| Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm | 8.300.000.000 | - |
| Cộng | 8.478.534.150 | 12.834.639.743 |

3b. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính theo kỳ hạn còn lại là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

3c. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho quá trình kinh doanh với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.051,41 | 2.086,72 |
| Phải trả người bán | (500.691,04) | (500.691,04) |
| Nợ phải trả thuần có gốc USD | <u>(498.639,63)</u> | <u>(498.604,32)</u> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 115.471.886.604 | - | 112.890.012.321 | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 4.077.271.370 | (2.844.507.120) | 4.077.271.370 | (2.844.507.120) |
| Phải thu khách hàng | 33.021.233.456 | (14.757.373.079) | 34.082.001.254 | (10.951.073.553) |
| Các khoản phải thu khác | 7.875.913.893 | (3.210.000.000) | 5.432.152.939 | (3.210.000.000) |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 8.674.710.000 | (3.307.233.750) | 8.674.710.000 | (3.307.233.750) |
| Cộng | 169.121.015.323 | (24.119.113.949) | 165.156.147.884 | (20.312.814.423) |

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 29.039.792.205 | 27.811.975.344 |
| Các khoản phải trả khác | 7.718.493.727 | 7.874.749.229 |
| Cộng | 36.758.285.932 | 35.686.724.573 |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập biểu



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017



Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: Số 52, đường Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|----------------------------------|------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 95.699.000.000 | 147.214.109.765 | 12.548.070.791 | 8.752.685.938 | 264.213.866.494 |
| Lợi nhuận trong kỳ trước | - | - | (10.430.063.385) | (360.658.945) | (10.790.722.330) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | - | - | (3.640.141.072) | - | (3.640.141.072) |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | - | - | 1.151.628.407 | - | 1.151.628.407 |
| Số dư cuối kỳ trước | <u>95.699.000.000</u> | <u>147.214.109.765</u> | <u>(370.505.259)</u> | <u>8.392.026.993</u> | <u>250.934.631.499</u> |
| Số dư đầu năm | 95.699.000.000 | 147.820.799.944 | 17.502.563.923 | 747.946.754 | 261.770.310.621 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | (15.780.591.864) | (97.502.720) | (15.878.094.584) |
| Chia cổ tức trong kỳ này | - | - | (6.698.930.000) | - | (6.698.930.000) |
| Số dư cuối kỳ này | <u>95.699.000.000</u> | <u>147.820.799.944</u> | <u>(4.976.957.941)</u> | <u>650.444.034</u> | <u>239.193.286.037</u> |



Lê Vũ Huỳnh Hương
Người lập



Phạm Thúy Oanh
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Đỗ Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

